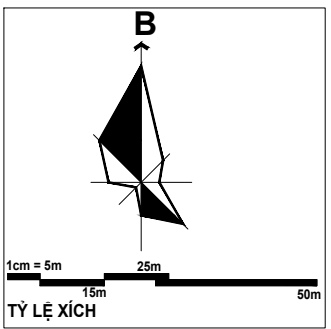




HIỆN TRẠNG NHÀ DÂN



HIỆN TRẠNG ĐẤT TRỒNG+TRỒNG CÂY HÀNG NĂM



HIỆN TRẠNG ĐẤT TRỒNG LÚA



HIỆN TRẠNG ĐƯỜNG BÊ TÔNG



HIỆN TRẠNG ĐƯỜNG CẤP NƯỚC



HIỆN TRẠNG ĐẤT TRỒNG CHƯA SỬ DỤNG



HIỆN TRẠNG MƯƠNG NƯỚC



HIỆN TRẠNG TRẠM BIẾN ÁP

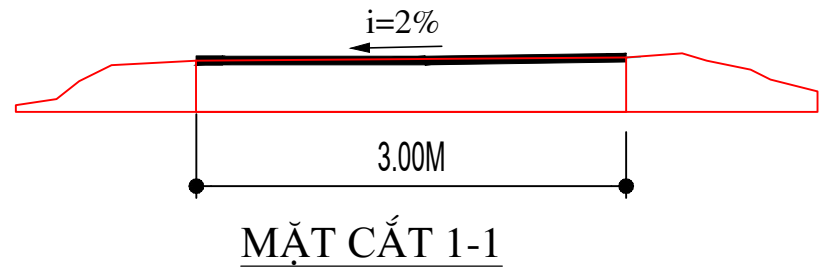


HIỆN TRẠNG ĐẤT NGẬP NƯỚC

BẢNG HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT		
STT	CÁC LOẠI ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (M)
1	Đường dây điện cao thế	670
2	Đường dây cáp quang	210
3	Đường kênh thoát lũ	624
4	Đường bê tông	195
5	Đường đất	201
6	Trạm biến áp	1 Trạm
7	Trạm bơm	1 Trạm

KÝ HIỆU:	
01	ĐƯỜNG DT 639
02	ĐẤT ĐƯỜNG BÊ TÔNG
03	ĐƯỜNG ĐẤT
04	MƯƠNG NƯỚC BÊ TÔNG
05	MƯƠNG ĐẤT
06	ĐẤT Ở NÔNG THÔN
07	CÔNG
08	ĐƯỜNG DÂY CAO THẾ
09	ĐƯỜNG DÂY HẠ THẾ
10	TRẠM BIẾN ÁP
11	TRẠM BƠM
12	KÝ HIỆU MỐC RANH GIỚI QUY HOẠCH
KÝ HIỆU:	
01	ĐẤT Ở NÔNG THÔN
02	ĐẤT HAO MÀU
03	ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM
04	ĐẤT VƯỜN
05	ĐẤT TRỒNG LÚA
06	BỜ ĐẤT, ĐƯỜNG ĐẤT
07	ĐẤT MẶT NƯỚC
08	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT
09	ĐẤT NGHỈ TRẠNG
10	ĐẤT GIAO THÔNG
11	RANH GIỚI QUY HOẠCH
12	ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN CAO THẾ
13	ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN HẠ THẾ

BẢNG THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT			
STT	Loại Đất	Diện Tích (m²)	Tỷ Lệ (%)
1	Đất chuyên trồng lúa (LUC)	37 303.70	30.71
2	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	19 934.63	16.41
3	Đất trồng cây hàng năm khác (BHK)	22 908.70	18.86
4	Đất bãi chưa sử dụng (BCS)	411.70	0.34
5	Đất nghĩa địa (NTD)	13 215.66	10.88
6	Đất ở hiện trạng (ONT)	10 322.96	8.50
7	Đất vườn (DV)	832.52	0.69
8	Đất mặt nước (MN)	6 525.23	5.37
9	Đất HTKT, Đường bê tông, đường đất (bờ thửa)	10 026.42	8.25
Tổng cộng		121 481.52	100.00



TỔNG GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN PHI MỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG C.W.S
VIA CHỈ: 80 NAM CAO, PHƯỜNG HOÀ KHÁNH NAM, QUẬN LIÊN CHIÊU, TP. ĐÀ NẴNG
MST: 0400544406; SBT: 02363.892555; 02363.732713
QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỈ LỆ 1:5000 KHU ĐỒ THỊ, THƯỜNG MẠI-ĐỊCH VỤ PHÍA TÂY BÀU HỒ
PHƯỜNG HOÀ HƯƠNG - TH. X. HOÀI NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

QH 03-HTHTKT